

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Số 200, đường Nguyễn Ái Quốc, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI
QUÝ I/2022

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc,
Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh
Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2022

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/03/2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/03/2022	Tại ngày 01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,336,488,260,661	395,846,519,089
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	2,120,747,382	22,801,791,468
1. Tiền	111		2,120,747,382	22,801,791,468
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	19,969,709,700
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	-	19,969,709,700
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1,099,489,380,015	137,869,545,604
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	87,901,179,851	84,252,133,998
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	81,658,008,354	78,345,952,274
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.a	966,966,777,376	12,308,044,898
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(37,036,585,566)	(37,036,585,566)
IV. Hàng tồn kho	140		209,083,889,579	206,929,647,188
1. Hàng tồn kho	141	V.6	209,083,889,579	206,929,647,188
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		25,794,243,685	8,275,825,129
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7.a	25,466,850,772	7,966,044,168
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		147,008,919	129,396,967
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà n	153	V.12	180,383,994	180,383,994
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		467,302,811,195	453,515,551,544
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		64,235,197,558	83,090,513,223
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	614,552,015
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213		10,562,431,458	-
3. Phải thu dài hạn khác	216	V.5.b	53,672,766,100	82,475,961,208
II. Tài sản cố định	220		19,744,956,839	13,617,269,129
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9a	18,001,052,391	11,832,808,764
Nguyên giá	222		45,687,965,790	38,800,706,530
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(27,686,913,399)	(26,967,897,766)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9b	1,743,904,448	1,784,460,365
Nguyên giá	228		3,082,249,709	3,082,249,709
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1,338,345,261)	(1,297,789,344)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		2,377,509,844	2,342,051,844
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	2,377,509,844	2,342,051,844
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	250		270,366,620,062	270,366,620,062

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc,
Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh
Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2022

				Mẫu số B 01 - DN
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	150,000,000,000	150,000,000,000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	120,780,900,000	120,780,900,000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(414,279,938)	(414,279,938)
V. Tài sản dài hạn khác	260		110,578,526,892	84,099,097,286
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7.b	110,578,526,892	84,099,097,286
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1,803,791,071,856	849,362,070,633

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc,
Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh
Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2022

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/03/2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/03/2022	Tại ngày 01/01/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		823,595,100,116	577,433,700,760
I. Nợ ngắn hạn	310		457,205,268,658	571,457,200,760
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	159,858,784,490	133,397,242,367
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	65,802,413,785	65,986,085,281
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	46,747,251,458	19,268,491,629
4. Phải trả người lao động	314		1,399,474,728	1,342,830,001
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	38,669,567,479	37,134,571,280
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14.a	11,590,757,868	180,863,110,352
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15.a	131,298,068,800	131,625,919,800
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.16	1,838,950,050	1,838,950,050
II. Nợ dài hạn	330		366,389,831,458	5,976,500,000
1. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		10,562,431,458	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.14.b	4,087,000,000	4,087,000,000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15.b	351,740,400,000	1,889,500,000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		980,195,971,740	271,928,369,873
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	980,195,971,740	271,928,369,873
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		790,000,000,000	200,000,000,000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		790,000,000,000	200,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		152,635,272,727	34,635,272,727
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		21,282,835,714	21,282,835,714
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		16,277,863,299	16,010,261,432
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK tr	421a		16,010,261,432	300,421,953
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		267,601,867	15,709,839,479
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1,803,791,074,856	849,362,070,633

Lưu Thị Hằng
Người lập biểu

Lương Thị Nhi Hải
Kế toán trưởng

Trần Ngọc Minh
Tổng Giám đốc
Đồng Nai, ngày 20 tháng 04 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường
Trăng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2022

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2022

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2022		Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2021	
			Số lũy kế năm nay		Số lũy kế năm trước	
			Quý 1 năm nay	Quý 1 năm trước	Quý 1 năm trước	Số lũy kế năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	(VI.1)	29,930,081,869	29,930,081,869	36,363,759,365	36,363,759,365
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dv	10		29,930,081,869	29,930,081,869	36,363,759,365	36,363,759,365
4. Giá vốn hàng bán	11	(VI.2)	25,426,921,889	25,426,921,889	29,718,821,760	29,718,821,760
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dv	20		4,503,159,980	4,503,159,980	6,644,937,605	6,644,937,605
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(VI.3)	241,345,108	241,345,108	113,716,725	113,716,725
7. Chi phí tài chính	22	(VI.4)	319,595,657	319,595,657	8,821,185,043	8,821,185,043
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		124,825,399	124,825,399	6,571,185,043	6,571,185,043
8. Chi phí bán hàng	25	(VI.5)	197,800,390	197,800,390	267,168,144	267,168,144
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(VI.6)	3,868,160,155	3,868,160,155	2,931,558,222	2,931,558,222
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		358,948,886	358,948,886	(5,261,257,079)	(5,261,257,079)
11. Thu nhập khác	31	(VI.7)	1,609,636,670	1,609,636,670	1,089,773,409	1,089,773,409
12. Chi phí khác	32	(VI.8)	1,581,795,815	1,581,795,815	999,632,985	999,632,985
13. Lợi nhuận khác	40		27,840,855	27,840,855	90,140,424	90,140,424
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		386,789,741	386,789,741	(5,171,116,655)	(5,171,116,655)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(VI.9)	119,187,874	119,187,874	66,892,729	66,892,729

Đơn vị tính: VND

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường
Trăng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2022

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2022

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2022		Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2021	
			Quý 1 năm nay	Số lũy kế năm nay	Quý 1 năm trước	Số lũy kế năm trước
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		267,601,867	267,601,867	(5,238,009,384)	(5,238,009,384)
18. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	70	(VI.11)	9	9	(262)	(262)

Đơn vị tính: VND



[Handwritten signature]

Lương Thị Nhi Hải
Kế toán trưởng

[Handwritten signature]

Lưu Thị Hằng
Người lập biểu

[Handwritten signature]
Trần Ngọc Minh
Tổng Giám đốc
Đồng Nai, ngày 20 tháng 04 năm 2022

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

15/05/2022

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2022

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Tại ngày 31/03/2022	Tại ngày 31/03/2021
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		386,789,741	(5,171,116,655)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		759,571,550	996,681,043
Các khoản dự phòng	03		-	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(241,345,108)	2,136,283,275
Chi phí lãi vay	06	(VI.4)	124,825,399	6,571,185,043
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		1,029,841,582	4,533,032,706
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(922,915,486,061)	441,125,598,558
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(654,242,391)	(9,813,876,266)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(109,291,893,909)	(388,629,932,199)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(43,746,569,543)	732,992,883
Tiền lãi vay đã trả	14		(319,595,657)	(21,297,535,169)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		3,930,298,014	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1,071,967,647,965)	26,650,280,513
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(6,922,717,260)	(113,500,000)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		500,000,000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		241,345,108	1,216,725
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(6,181,372,152)	(112,283,275)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAIĐịa chỉ: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng
Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2022

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Tại ngày 31/03/2022	Tại ngày 31/03/2021
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp				
1. của chủ sở hữu	31		708,000,000,000	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	(VIII.1)	350,000,000,000	5,700,000,000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(VIII.2)	(476,951,000)	(24,805,000,000)
5. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		(55,072,969)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1,057,467,976,031	(19,105,000,000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TRONG NĂM (50 = 20+30+40)	50		(20,681,044,086)	7,432,997,238
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		22,801,791,468	25,055,213,740
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM (70 = 50+60+61)	70	V.1	2,120,747,382	32,488,210,978



Lưu Thị Hằng
Người lập biểu



Lương Thị Nhi Hải
Kế toán trưởng



Trần Ngọc Minh
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 20 tháng 04 năm 2022

I. THÔNG TIN CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai (Dưới đây gọi là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600259916 ngày 30 tháng 12 năm 2005 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, và thay đổi lần gần nhất là lần thứ 16 ngày 05 tháng 04 năm 2022.

Vốn điều lệ của Công ty trên đăng ký kinh doanh là: 790.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 03 năm 2022 là 790.000.000.000 đồng; tương đương 79.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

(Bằng chữ: Bảy trăm chín mươi tỷ đồng)

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh thương mại và dịch vụ xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: Khai thác đá, sỏi, đất sét
- Khai thác và thu gom than bùn
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.
- Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
- Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
- Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác
- Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa
- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa; Bốc xếp hàng hóa
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Cơ sở lưu trú khác
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng
- Dịch vụ ăn uống khác; Dịch vụ phục vụ đồ uống; Hoạt động chiếu phim
- Hoạt động dịch vụ tài chính khác, chưa được phân vào đâu
- Cho thuê xe có động cơ.

Công ty có trụ sở tại: Số 200, đường Nguyễn Ái Quốc, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Cấu trúc Doanh nghiệp

Công ty con	Địa chỉ	Vốn điều lệ	Tỷ lệ
Công ty TNHH MTV Đầu tư DGT	Số 200, đường Nguyễn Ái Quốc, KP1, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	345,000,000,000	100%
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Kinh doanh VLXD DGT	Số 200, đường Nguyễn Ái Quốc, KP1, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	5,000,000,000	100%
Công ty TNHH MTV DGT- Nghệ An	Số 3, Đường Mai Hắc Đế, Phường Quán Bàu, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	100,000,000,000	100%
Công ty TNHH MTV DGT -Vũng Tàu	Tầng 4, Vũng Tàu Plaza, Số 207 Lê Hồng Phong, Phường 8, Thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	20,000,000,000	100%
Công ty TNHH MTV DGT - Đồng Tháp	Số 142, Võ Trường Toản, Phường 1, Thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp, Việt Nam	100,000,000,000	100%

Công ty liên kết	Địa chỉ	Vốn điều lệ	Tỷ lệ
Công ty TNHH Đồng Lợi	Số 3, đường Mai Hắc Đế, phường Quán Bàu, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam	300,000,000,000	50%

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên	Địa chỉ
Xí nghiệp Khai thác cát Đắc Lua	Số 200, đường Nguyễn Ái Quốc, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Xí nghiệp Bê tông nhựa nóng	Thôn 8, xã Nhân Cơ, huyện Đắc Rắp, tỉnh Đắk Nông
Cửa hàng Vật liệu Xây dựng số 1	Thôn 1, xã Quảng Ngãi, huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng
Cửa hàng Vật liệu Xây dựng số 2	Thôn 5, xã Thống Nhất, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

II. NĂM KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm kế toán: bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hằng năm

2. Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán, lập và trình bày Báo cáo tài chính là: Đồng Việt Nam.

III. CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng: Công ty sử dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

2. Tuyên bố tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:

Chúng tôi, Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai, tuyên bố tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam do Bộ Tài Chính ban hành, phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các nguyên tắc kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: các khoản tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), tiền đang chuyển và các khoản tương đương tiền của doanh nghiệp. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời gian đáo hạn không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

- Các khoản không được phân loại là ngắn hạn thì được phân loại lại là dài hạn.

- Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu không được khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho và phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm:

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Hàng tồn kho không bao gồm giá trị chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn và giá trị thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho (tiếp theo)

Những chi phí không được tính vào giá gốc hàng tồn kho:

- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm: Giá trị hàng tồn kho cuối năm = Giá trị hàng tồn đầu năm + Giá trị hàng nhập trong năm - Giá trị hàng xuất trong năm. (Phương pháp tính giá hàng xuất kho theo phương pháp Bình quân gia quyền).

Phương pháp kế toán hàng tồn kho: Theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm lập Báo cáo tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Tăng giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình và thuê tài chính

Tài sản cố định của Công ty được hạch toán theo 03 chỉ tiêu: nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá của tài sản cố định được xác định là giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo thời gian sử dụng ước tính và theo phương pháp khấu hao đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/QĐ-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian KH
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 50 năm
Máy móc thiết bị	02 - 15 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Thiết bị quản lý	02 - 06 năm
Tài sản cố định khác	03 - 05 năm

NGÀY 24/4/2022

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết theo phương pháp giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lý kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác

Khoản tổn thất do công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này. Việc trích lập dự phòng hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất

7. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, và các khoản phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

Có thời gian đáo hạn không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là phải trả ngắn hạn.

Các khoản không được phân loại là ngắn hạn thì được phân loại lại là dài hạn.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

8. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được hạch toán vào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hoá.

Đối với các khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chính sách kế toán áp dụng cho chi phí đi vay Công ty thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán số 16 về Chi phí đi vay, cụ thể:

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong năm không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong năm. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng năm không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong năm đó.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu bao gồm:

- + Vốn góp ban đầu, góp bổ sung của các chủ sở hữu.
- + Các khoản được bổ sung từ các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu, lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái đều được phản ánh ngay vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại thời điểm phát sinh.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá thực tế mua lại bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc mua lại cổ phiếu.

Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được thực hiện theo điều lệ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông của Công ty.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

- Doanh thu bán hàng, được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm:

- Lãi tiền gửi, lãi cho vay, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, chiết khấu thanh toán được hưởng khi mua hàng hoá dịch vụ.
- Cổ tức lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư.
- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn; Lãi chuyển nhượng vốn khi thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác.
- Lãi tỷ giá hối đoái và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác

12. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán ra trong năm. Ngoài ra nó phản ánh đến các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nghiệp vụ cho thuê bất động sản đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

Chi phí nguyên vật liệu, nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn trong năm.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua nếu khi xuất bán hàng hoá mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì ghi giảm giá vốn hàng bán.

13. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác được ghi giảm chi phí tài chính tài chính.

14. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương và trích theo lương của nhân viên quản lý, chi phí vật liệu văn phòng, chi phí công cụ dụng cụ, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

Hoàn nhập số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số phải lập dự phòng năm này nhỏ hơn số phải lập dự phòng năm trước chưa sử dụng hết) được ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở tổng thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm.
- Hoàn lại tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời năm và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:

Đơn vị tính: VND

1. Tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Tiền mặt	1,166,488,692	813,958,580
Tiền gửi ngân hàng	954,258,690	21,987,832,888
Cộng	<u><u>2,120,747,382</u></u>	<u><u>22,801,791,468</u></u>

CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2022

2. Các khoản đầu tư tài chính

a. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ		Đơn vị tính: VNĐ
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
SLCP					Giá trị hợp lý
- Chứng khoán kinh doanh					
Công ty CP Tập đoàn Hoa Sen (HSG)	-	-	6,633,485,325	-	-
Công ty CP Tập đoàn Hòa Phát (HPG)	-	-	8,522,765,000	-	-
Công ty CP Đầu tư Nam Long (NLG)	-	-	4,813,459,375	-	-
Cộng	-	-	19,969,709,700	-	-

CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2022

2. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

b. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ			Đơn vị tính: VNĐ
	Tỷ lệ lợi ích	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	
- Đầu tư vào công ty liên kết							
Công ty TNHH Đồng Lợi	50.00%	150,000,000,000	-	150,000,000,000	-	-	-
Cộng		150,000,000,000	-	150,000,000,000	-	-	-
	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ			
SLCP	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	
- Đầu tư vào đơn vị khác							
Công ty CP Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đồng Tháp (BDT)	3,600,000	120,780,900,000	-	158,400,000,000	-	-	-
Cộng		120,780,900,000	-	158,400,000,000	-	-	-

1101 502 00 1011

CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2022

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty Cổ phần Tập đoàn Cienco4	7,399,420,772	-	7,999,420,772	-
Công ty Cổ phần BOT và BT Đứrc Long Đắc Nông	3,817,956,751	3,817,956,751	3,817,956,751	3,817,956,751
Công ty CP Đầu tư Quốc lộ 91 Cần Thơ An Giang	2,023,051,074	2,023,051,074	2,023,051,074	2,023,051,074
Công ty TNHH Lọc Trường Kỳ	-	(928,594,287)	-	(928,594,287)
Công ty Cổ phần Xây dựng Hiệp An	11,391,320,000	-	11,391,320,000	-
Công ty TNHH Lâm Phong	410,704,231	366,704,231	410,704,231	366,704,231
Tổng Công ty Xây Dựng Số 1 - CTCP	6,215,338,122	-	6,215,338,122	-
Công ty TNHH Công trình Giao thông Trọng Tín	2,228,253,019	-	2,228,253,019	-
Công ty TNHH Xây dựng Hưng Phát	23,329,248,693	-	17,819,929,804	-
Công ty TNHH Kỹ thuật VLXD Cửu Long (Tên cũ: Công ty TNHH Kỹ thuật VLXD Long Phát)	22,757,549,803	-	25,816,284,290	-
Công ty TNHH MTV Trí Nhân Phát	114,531,596	-	114,531,596	-
Các đối tượng khác	8,213,805,790	2,952,161,681	6,415,344,339	2,952,161,681
Cộng	87,901,179,851	8,231,279,450	84,252,133,998	8,231,279,450

CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2022

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
5. Phải thu khác				
a. Phải thu khác ngắn hạn				
Tạm ứng	449,799,810	-	449,799,810	-
Lê Tú Anh	12,141,000	-	12,141,000	-
Nguyễn Bảo Huy	40,000,000	-	40,000,000	-
Nguyễn Huỳnh Giang	105,000,000	-	105,000,000	-
Lê Trọng Ước	84,094,509	-	84,094,509	-
Bùi Đức Hưng	5,943,000	-	5,943,000	-
Lê Mạnh Hùng	120,000,000	-	120,000,000	-
Đối tượng khác	82,621,301	-	82,621,301	-
Đặt cọc, ký quỹ, ký cược	325,000,000,000	-	-	-
Phải thu đặc cọc	325,000,000,000	-	-	-
Phải thu ngắn hạn khác	641,516,977,566	762,833,018	41,592,684,588	762,833,018
Công ty TNHH Tân Đại Tiền Bình Thuận	825,000,000	-	759,000,000	-
Tăng Xuân Hưng (XNBTN)	280,039,978	280,039,978	280,039,978	280,039,978
Đặng Thành Long	398,462,210	398,462,210	398,462,210	398,462,210
Trung tâm Phát triển Quý Đất Thành phố Biên Hòa	8,698,611,086	-	8,698,611,086	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Đông Nam Bộ	1,530,551,184	-	1,530,551,184	-
Công ty TNHH Đồng Lợi	29,904,439,500	-	29,734,439,500	-
Phải thu hợp tác đầu tư	598,500,000,000	-	-	-
Đối tượng khác	1,379,873,608	84,330,830	191,580,630	84,330,830
Cộng	966,966,777,376	762,833,018	42,042,484,398	762,833,018

CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2022

5. Phải thu khác (tiếp theo)

b. Phải thu khác dài hạn	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Đặt cọc, ký quỹ, ký cược	-	-	-	-
Công ty TNHH MTV Điện Lực Đồng Nai - Điện Lực Biên Hòa	120,000,000	-	120,000,000	-
Quỹ Bảo vệ Môi trường tỉnh Đồng Nai (XN Đá)	2,716,851,765	-	2,573,090,449	-
Quỹ Bảo vệ Môi trường tỉnh Đồng Nai (XN Cát)	646,624,335	-	609,141,259	-
Vố Diệp Cẩm Vân	31,137,000,000	-	31,137,000,000	-
Quỹ Đầu Tư Cơ Hội PVI (POF)	18,000,000,000	-	18,000,000,000	-
Đối tượng khác	1,052,290,000	-	302,290,000	-
Cộng	53,672,766,100	-	52,741,521,708	-

6. Hàng tồn kho

Nguyên liệu, vật liệu Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang Thành phẩm	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	50,758,542,266	-	55,389,706,598	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	154,041,029,308	-	150,963,341,025	-
Thành phẩm	4,284,318,005	-	576,599,565	-
Cộng	209,083,889,579	-	206,929,647,188	-

117) Z 12/03/2022 (2/1)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG
ĐỒNG NAI**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Địa chỉ: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường
Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày
31/03/2022

7. Chi phí trả trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
a. Chi phí trả trước ngắn hạn	25,466,850,772	7,966,044,168
Công cụ dụng cụ xuất dùng	347,297,018	40,993,811
Chi phí vật liệu	-	4,122,830
Chi phí đồ dùng văn phòng	346,004,722	410,251,407
Chi phí phát hành trái phiếu	14,000,000,000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10,773,549,032	7,510,676,120
b. Chi phí trả trước dài hạn	110,578,526,892	84,099,097,286
Công cụ dụng cụ xuất dùng	100,048,272	237,512,676
Chi phí khai thác khoáng sản Mỏ đá Tân Cang	104,934,537,242	83,245,767,394
Chi phí khai thác mỏ cát	4,901,549,382	10,751,262
Chi phí xây dựng phục vụ trạm trộn BTN	150,192,896	167,961,374
Chi phí dịch vụ mua ngoài	492,199,100	437,104,580
Cộng	<u>136,045,377,664</u>	<u>92,065,141,454</u>

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Dự án KCN Tuy Phong	35,458,000	
Dự án Khu đất văn phòng Công ty	1,845,357,298	1,845,357,298
Dự án Mỏ cát Long An	5,374,546	5,374,546
Lô đất xã Phước Tân, H. Long An, T. Đồng Nai	491,320,000	491,320,000
Cộng	<u>2,377,509,844</u>	<u>2,342,051,844</u>

CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

QUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2022

Đơn vị tính: VNĐ

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
9. Tình hình tăng, giảm Tài sản cố định						
a. Tài sản cố định hữu hình						
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	5,647,603,009	17,801,855,973	15,267,333,723	83,913,825	-	38,800,706,530
Mua trong kỳ	128,000,000	6,759,259,260	-	-	-	6,887,259,260
Xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	-	-	-
Tặng khác	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Giảm do điều chuyển	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	5,775,603,009	24,561,115,233	15,267,333,723	83,913,825	-	45,687,965,790
Giá trị hao mòn						
Số dư đầu kỳ	2,733,882,877	15,916,334,984	8,233,766,080	83,913,825	-	26,967,897,766
Khấu hao trong kỳ	139,314,473	197,255,537	382,445,623	-	-	719,015,633
Tặng khác	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	2,873,197,350	16,113,590,521	8,616,211,703	83,913,825	-	27,686,913,399
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu kỳ	2,913,720,132	1,885,520,989	7,033,567,643	-	-	11,832,808,764
Tại ngày cuối kỳ	2,902,405,659	8,447,524,712	6,651,122,020	-	-	18,001,052,391

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG
ĐỒNG NAI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Địa chỉ: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường
Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày
31/03/2022

9. Tình hình tăng, giảm Tài sản cố định (tiếp theo)

b. Tài sản cố định vô hình

	Quyền khai thác mỏ cát	Đơn vị tính: VNĐ Cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu kỳ	3,082,249,709	3,082,249,709
- Mua trong kỳ	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
- Giảm khác	-	-
Số dư cuối kỳ	3,082,249,709	3,082,249,709
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu kỳ	1,297,789,344	1,297,789,344
- Khấu hao trong kỳ	40,555,917	40,555,917
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số dư cuối kỳ	1,338,345,261	1,338,345,261
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu kỳ	1,784,460,365	1,784,460,365
Tại ngày cuối kỳ	1,743,904,448	1,743,904,448

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG
ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường
Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày
31/03/2022

10. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Bên liên quan	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Đối tượng không phải bên liên quan		
Công ty TNHH MTV Đức Thành Hưng Phát	393,619,527	1,211,069,233
Công ty TNHH Chúc Phương	3,000,000,000	3,000,000,000
Công ty CP Xây dựng và Sản xuất VLXD (BMJC)	1,000,000,000	1,000,000,000
Công ty TNHH Tân Đại Tiền Bình Thuận	44,364,804,000	44,364,804,000
Công ty TNHH Hata Sài Gòn	2,926,633,276	3,926,633,276
Công ty TNHH Xây dựng Hưng Phát	-	9,453,000,000
Công ty CP TM SX Xây dựng Giao thông ATS	2,875,273,145	2,875,273,145
Đối tượng khác	11,242,083,837	155,305,627
Cộng	<u>65,802,413,785</u>	<u>65,986,085,281</u>

CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2022

11. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp nhà nước

	Số đầu kỳ		Phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Số phải thu	Số phải nộp	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Số phải thu	Số phải nộp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT phải nộp	-	439,566,226	1,957,467,847	2,144,496,129	-	252,537,944
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3,184,955,525	119,179,874	-	-	3,304,135,399
Thuế thu nhập cá nhân	-	42,167,494	79,280,321	76,503,013	-	44,742,302
Thuế tài nguyên	-	3,999,213,386	1,495,606,368	2,472,302,830	-	3,022,516,924
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	3,932,472,242	-	-	-	3,932,472,242
Các loại thuế khác	-	-	3,000,000	11,843,855	-	(8,843,855)
Phí, lệ phí, các khoản phải	180,383,994	7,670,116,756	29,914,065,917	1,384,492,171	180,383,994	36,199,690,502
Cộng	180,383,994	19,268,491,629	33,568,600,327	6,089,637,998	180,383,994	46,747,251,458



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2022

12. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng mỏ đá Tân Cang	8,698,611,086	8,698,611,086
Đường dẫn vào cầu An Hảo	2,086,322,995	2,144,349,593
Đường Cộ Cây Xoài H.Vĩnh Cửu	397,235,455	397,235,455
Chi phí lãi vay	24,190,276,052	25,046,379,064
Lê Trọng Ước	81,987,500	296,750,000
Mỏ đá Tân Cang	-	266,404,276
CN Công ty CP Công trình giao thông Đồng Nai - XN Bê tông Nhựa nóng	31,309,753	21,127,945
Công ty TNHH MTV Đức Thành Hưng Phát	-	15,523,200
Đối tượng khác	3,183,824,638	248,190,661
Cộng	<u>38,669,567,479</u>	<u>37,134,571,280</u>

13. Phải trả khác

a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Kinh phí công đoàn	24,352,216	133,923,758
Bảo hiểm xã hội	128,781,602	92,117,851
Bảo hiểm y tế	22,910,751	17,003,340
Bảo hiểm thất nghiệp	5,270,458	3,678,520
Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	200,000,000	280,000,000
Công ty TNHH Phú Gia Lương	200,000,000	200,000,000
Công ty TNHH MTV Đức Thành Hưng Phát	-	80,000,000
Phải trả ngắn hạn khác	11,209,442,841	180,336,386,883
Bên liên quan		
Đối tượng không phải bên liên quan		
Cổ tức, lợi nhuận phải trả cổ đông khác	686,092,770	686,092,770
Trợ cấp thôi việc	844,713,994	864,713,994
Công ty Cổ phần Tân Cang	3,000,000,000	3,000,000,000
Trương Hiền Vũ	-	173,000,000,000
Tổng Cty CP XNK và XD Việt Nam - Vinaconex	5,211,418,015	2,402,869,384
Đối tượng khác	1,467,218,062	382,710,735
Cộng	<u>11,590,757,868</u>	<u>180,863,110,352</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2022

13. Phải trả khác (tiếp theo)**b. Phải trả dài hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	1,957,000,000	1,957,000,000
Công ty TNHH MTV Bảo Ngọc Thư	200,000,000	200,000,000
Công ty TNHH MTV Đức Thành Hưng Phát	1,008,000,000	1,008,000,000
Công ty TNHH Chúc Phương	500,000,000	500,000,000
Công ty TNHH MTV Đất Võ	170,000,000	170,000,000
Công ty TNHH TMDV Khoáng sản Kim Thảo Phát	79,000,000	79,000,000
Phải trả dài hạn khác	2,130,000,000	2,130,000,000
Công ty CP Tư vấn Đầu tư Đông Nam Bộ (*)	2,130,000,000	2,130,000,000
Cộng	<u>4,087,000,000</u>	<u>4,087,000,000</u>

(*) Khoản phải trả khác dài hạn cho Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Đông Nam Bộ là khoản phải trả liên quan đến hợp đồng hợp tác kinh doanh số 06/HTKD-PKD ngày 01/10/2012 về việc đầu tư, khai thác, kinh doanh cát tại mỏ cát Đắc Lua, huyện Tân Phú và phụ lục 1 - hợp đồng hợp tác kinh doanh số 10A/PLHTKD-PKD ngày 23/04/2013. Giá trị vốn góp theo hợp đồng là 22.803.000.000 VND, Công ty góp 7.753.020.000 VND, tương đương 34% và Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Đông Nam Bộ góp 15.049.980.000 VND, tương đương 66%.

14. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn

Chi tiết tại phụ lục 1

15. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Tiền thuê đất bị truy thu tại Khu công nghiệp Biên Hòa từ 01/01/2006 đến 31/12/2015	1,838,950,050	1,838,950,050
Cộng	<u>1,838,950,050</u>	<u>1,838,950,050</u>

16. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chi tiết tại Phụ lục 2

16. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>	<u>Tỷ lệ</u>
Vốn góp của các cổ đông	790,000,000,000	100.00%	200,000,000,000	100.00%
- Các cổ đông	790,000,000,000	100.00%	200,000,000,000	100.00%
Cộng	790,000,000,000	100.00%	200,000,000,000	100.00%

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	790,000,000,000	200,000,000,000
- Vốn góp đầu năm	200,000,000,000	64,810,000,000
- Vốn góp tăng trong năm	590,000,000,000	135,190,000,000
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	790,000,000,000	200,000,000,000
Cổ tức lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	79,000,000	20,000,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	79,000,000	20,000,000
- Cổ phiếu phổ thông	79,000,000	20,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (*)	79,000,000	20,000,000
- Cổ phiếu phổ thông	79,000,000	20,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10,000	10,000

e. Các quỹ của Công ty

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Quỹ đầu tư phát triển	21,282,835,714	21,282,835,714
Cộng	21,282,835,714	21,282,835,714

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG
ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường
Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2022

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Quý 1 năm nay</u>	<u>Quý 1 năm trước</u>
Doanh thu xây lắp	906,297,500	8,429,987,971
Doanh thu dịch vụ cho thuê	1,507,407,408	1,500,000,000
Doanh thu bán đá	27,177,515,961	15,995,830,000
Doanh thu bán vật liệu xây dựng khác	96,000,000	9,935,041,849
Doanh thu gia công, sx bê tông nhựa nóng	242,861,000	502,899,545
Cộng	<u>29,930,081,869</u>	<u>36,363,759,365</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Quý 1 năm nay</u>	<u>Quý 1 năm trước</u>
Giá vốn xây lắp	898,119,500	7,531,037,162
Giá vốn dịch vụ cho thuê	302,853,084	302,913,084
Giá vốn bán đá	23,422,156,730	12,089,770,927
Giá vốn vật liệu xây dựng khác	350,511,002	8,948,235,610
Giá vốn gia công, sx bê tông nhựa nóng	532,925,729	846,864,977
Cộng	<u>25,506,566,045</u>	<u>29,718,821,760</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Quý 1 năm nay</u>	<u>Quý 1 năm trước</u>
Lãi tiền gửi	241,345,108	1,216,725
Lãi hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	112,500,000
Cộng	<u>241,345,108</u>	<u>113,716,725</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Quý 1 năm nay</u>	<u>Quý 1 năm trước</u>
Chi phí lãi vay	124,825,399	899,185,043
Chi phí lãi trái phiếu	-	5,672,000,000
Chi phí tư vấn phát hành trái phiếu	-	2,250,000,000
Chi phí tài chính khác	194,770,258	-
Cộng	<u>319,595,657</u>	<u>8,821,185,043</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG
ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường
Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2022

5. Chi phí bán hàng

	<u>Quý 1 năm nay</u>	<u>Quý 1 năm trước</u>
Chi phí nhân viên	197,412,889	164,606,416
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	387,501	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	85,270,455
Chi phí bằng tiền khác	-	17,291,273
Cộng	<u>197,800,390</u>	<u>267,168,144</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý 1 năm nay</u>	<u>Quý 1 năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	1,962,191,171	1,719,673,973
Chi phí vật liệu quản lý	215,438,668	119,511,768
Chi phí đồ dùng văn phòng	209,129,829	116,049,202
Chi phí khấu hao TSCĐ	211,777,151	155,728,959
Thuế, phí và lệ phí	34,287,486	37,407,052
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,194,129,877	773,687,268
Chi phí bằng tiền khác	41,205,973	9,500,000
Cộng	<u>3,868,160,155</u>	<u>2,931,558,222</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Quý 1 năm nay</u>	<u>Quý 1 năm trước</u>
Thu nhập từ cung cấp điện, nước	1,609,636,670	1,089,773,409
Cộng	<u>1,609,636,670</u>	<u>1,089,773,409</u>

8. Chi phí khác

	<u>Quý 1 năm nay</u>	<u>Quý 1 năm trước</u>
Lãi trả chậm	-	992,674,267
Chi phí tiền điện, nước	1,581,795,815	1,545,100
Chi phí giám sát môi trường		4,033,384
Phạt vi phạm hành chính		1,380,234
Cộng	<u>1,581,795,815</u>	<u>999,632,985</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG
ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường
Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2022

9. Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<u>Quý 1 năm nay</u>	<u>Quý 1 năm trước</u>
Thuế TNDN hiện hành trong kỳ	119,187,874	66,892,729
Cộng	<u>1,700,983,689</u>	<u>1,066,525,714</u>

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Quý 1 năm nay</u>	<u>Quý 1 năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11,696,724,999	16,236,837,059
Chi phí nhân công	2,633,510,213	2,933,211,711
Chi phí công cụ, dụng cụ	2,019,919,119	216,446,062
Chi phí khấu hao TSCĐ	9,583,967,934	999,404,952
Thuế, phí, lệ phí	22,293,919	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13,163,960,908	25,128,904,268
Chi phí khác bằng tiền khác	1,793,197,106	6,124,581,590
Cộng	<u>40,913,574,198</u>	<u>51,639,385,642</u>

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Quý 1 năm nay</u>	<u>Quý 1 năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN (1)	267,601,867	(5,238,009,384)
Các khoản điều chỉnh giảm (2)=(3)+(4)	267,601,867	(5,238,009,384)
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi (3)	30,543,321	20,000,000
Cộng	<u>9</u>	<u>(262)</u>

VII. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

1. Quản lý rủi ro vốn

Công ty thực hiện quản trị nguồn vốn để đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động vừa có thể tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.

Cấu trúc vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm: vốn điều lệ cộng với thặng dư vốn cổ phần trị đi cổ phiếu quỹ, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

2. Tài sản tài chính

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính.

	Giá trị ghi sổ	
	31/03/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	2,120,747,382	22,801,791,468
Khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	1,108,540,723,327	179,036,140,104
Đầu tư tài chính	270,366,620,062	290,336,329,762
Cộng	1,381,028,090,771	492,174,261,334

3. Công nợ tài chính

Các khoản nợ tài chính đã được đánh giá lại theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán hiện hành để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của công ty. Cụ thể các khoản phải trả người bán và các khoản vay có gốc ngoại tệ đều được đánh giá lại theo tỷ giá tại ngày lập báo cáo. Đồng thời các khoản chi phí đi vay phải trả đã được ghi nhận trong kỳ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

	Giá trị ghi sổ	
	31/03/2022	01/01/2022
	VND	VND
Phải trả người bán	159,858,784,490	133,397,242,367
Các khoản phải trả khác	54,347,325,347	222,084,681,632
Vay và nợ thuê tài chính	483,038,468,800	133,515,419,800
Cộng	697,244,578,637	488,997,343,799

4. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ này.

Rủi ro thị trường: Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Rủi ro này công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn từ các nhà cung cấp trong nước, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán và điều chỉnh giá bán cho người mua khi có biến động lớn về giá cả hàng hóa.

Rủi ro tín dụng: bao gồm rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất. Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để thanh toán cho các khoản nợ phải trả hiện tại và tương lai. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản đối với các khoản nợ phải trả hiện tại dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo việc duy trì một lượng tiền mặt đáp ứng tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tại ngày 31/03/2022

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Cộng VND
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	2,120,747,382	-	2,120,747,382
Khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	1,054,867,957,227	53,672,766,100	1,108,540,723,327
Các khoản đầu tư		270,366,620,062	270,366,620,062
Cộng	1,056,988,704,609	324,039,386,162	1,381,028,090,771
Nợ phải trả tài chính			
Phải trả người bán	159,858,784,490	-	159,858,784,490
Các khoản phải trả khác	50,260,325,347	4,087,000,000	54,347,325,347
Vay và nợ thuê tài chính	131,298,068,800	351,740,400,000	483,038,468,800
Cộng	341,417,178,637	355,827,400,000	697,244,578,637

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG
ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường
Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2022

4. Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Tại ngày 01/01/2022

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Cộng VND
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	22,801,791,468	-	22,801,791,468
Khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	96,560,178,896	82,475,961,208	179,036,140,104
Các khoản đầu tư	19,969,709,700	270,366,620,062	290,336,329,762
Cộng	139,331,680,064	352,842,581,270	492,174,261,334
Nợ phải trả tài chính			
Phải trả người bán	133,397,242,367	-	133,397,242,367
Các khoản phải trả khác	217,997,681,632	4,087,000,000	222,084,681,632
Vay và nợ thuê tài chính	131,625,919,800	1,889,500,000	133,515,419,800
Cộng	483,020,843,799	5,976,500,000	488,997,343,799

VIII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Năm nay	Năm trước
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường;		5,700,000,000
Tiền thu từ phát hành trái phiếu thường	-	
Cộng	-	5,700,000,000

2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Năm nay	Năm trước
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	476,951,000	24,805,000,000
Cộng	476,951,000	24,805,000,000

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG
ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường
Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2022

Chi phí tiền lương, thưởng của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các nhân sự quản lý chủ chốt khác trong năm như sau:

Nghiệp vụ phát sinh

Tiền lương, thù lao
Cộng

<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<u>VND</u>	<u>VND</u>
442,800,000	144,000,000
442,800,000	144,000,000



Lưu Thị Hằng
Người lập biểu



Lương Thị Nhi Hải
Kế toán trưởng



Trần Ngọc Minh
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 20 tháng 04 năm 2022



CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Tráng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2022

	Đơn vị tính: VNĐ					
	Số đầu kỳ		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
A. VAY NGẮN HẠN	131,625,919,800	131,625,919,800	-	327,851,000	131,298,068,800	131,298,068,800
- Vay khác	129,042,500,000	129,042,500,000	-	327,851,000	128,714,649,000	128,714,649,000
Bùi Quang Lộc	260,000,000	260,000,000	-	-	260,000,000	260,000,000
Dương Công Ái	8,000,000,000	8,000,000,000	-	-	8,000,000,000	8,000,000,000
Nguyễn Thanh Phong	17,235,000,000	17,235,000,000	-	327,851,000	16,907,149,000	16,907,149,000
Tổng Công ty CP XNK và XD Việt Nam - Vinaconex	103,547,500,000	103,547,500,000	-	-	103,547,500,000	103,547,500,000
- Vay ngân hàng	1,987,019,800	1,987,019,800	-	-	1,987,019,800	1,987,019,800
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Đồng Nai	1,987,019,800	1,987,019,800	-	-	1,987,019,800	1,987,019,800
- Nợ dài hạn đến hạn trả	596,400,000	596,400,000	-	-	596,400,000	596,400,000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Đồng Nai	596,400,000	596,400,000	-	-	596,400,000	596,400,000
B. VAY DÀI HẠN	1,889,500,000	1,889,500,000	350,000,000,000	149,100,000	351,740,400,000	351,740,400,000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Đồng Nai	1,889,500,000	1,889,500,000	-	149,100,000	1,740,400,000	1,740,400,000
Trái phiếu thường	-	-	350,000,000,000	-	350,000,000,000	350,000,000,000
Cộng	133,515,419,800	133,515,419,800	350,000,000,000	476,951,000	483,038,468,800	483,038,468,800

Phụ lục 01: Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn và dài hạn tại ngày kết thúc kỳ tài chính:

Các khoản vay ngắn hạn của Ông Bùi Quang Lộc:

- Hợp đồng cho vay tiền số 01/CTGT-KTTK ngày 30/01/2020 và Phụ lục hợp đồng vay số 02/CTGT-KTTK Ngày 31/01/2021;

- Phụ lục vay số 04/CTGT-KTTK Ngày 31/01/2022

Số tiền vay: 4.000.000.000 VND, thời hạn vay 01 năm kể từ ngày 31/01/2022 đến 31/01/2023

Lãi suất cho vay: 15%/năm; Lãi suất quá hạn: 0% lãi suất trong hạn

Tại ngày 31/03/2022, số nợ vay phải trả là: 260.000.000 VND

Các khoản vay ngắn hạn của Ông Dương Công Ái

- Hợp đồng cho vay tiền số 02/CTGT-KTTK ngày 01/09/2020 và Phụ lục số 03/CTGT-KTTK Ngày 01/09/2021

Số tiền vay: 25.000.000.000 VND, thời hạn vay 01 năm kể từ ngày 01/09/2021 đến 01/09/2022

Lãi suất cho vay: 15%/năm; Lãi suất quá hạn: 0% lãi suất trong hạn

Tại ngày 31/03/2022, số nợ vay phải trả là: 8.000.000.000 VND

Các khoản vay ngắn hạn của Ông Nguyễn Thanh Phong

- Hợp đồng cho vay tiền số 01/DGT-NTP ngày 15/10/2021

Số tiền vay: 17.235.000.000 VND, thời hạn vay 01 năm kể từ ngày 15/10/2021 đến 15/10/2022

Lãi suất cho vay: 12%/năm; Lãi suất quá hạn: 0% lãi suất trong hạn

Tại ngày 31/03/2022, số nợ vay phải trả là: 16.907.149.000 VND

Các khoản vay ngắn hạn của Công ty TNHH Kỹ thuật VLXD Long Phát

- Hợp đồng cho vay tiền số 03/2021/LP-DGT ngày 30/03/2021

Số tiền vay: 5.700.000.000 VND, thời hạn vay 01 năm kể từ ngày 31/03/2021 đến 31/03/2022

Lãi suất cho vay: 15%/năm; Lãi suất quá hạn: 0.5%/tháng

Tại ngày 31/03/2022, số nợ vay phải trả là: 0 VND

CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2022

Phụ lục 01: Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn và dài hạn tại ngày kết thúc kỳ tài chính:

Các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty CP XNK và XD Việt Nam - Vinaconex

- Khế ước nhận nợ ngày 15/10/2021

Số tiền vay: 103.547.500.000 VND, thời hạn vay 180 ngày kể từ ngày 15/10/2021

Lãi suất cho vay: 11%/năm

Tại ngày 31/03/2022, số nợ vay phải trả là: 103.547.500.000 VND

Các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Đồng Nai

- Hợp đồng cho vay: số ThachionlineSME-5809314 ngày 17/12/2021

Hạn mức thấu chi: 1.500.000.000 VND.

Mục đích vay: sử dụng cho mục đích Thanh toán các chi phí hợp pháp phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với quy định của pháp luật.

Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng tính từ ngày Bên Ngân hàng ký kết hợp đồng bằng chữ ký số.

Lãi suất cho vay: 15%/năm, lãi suất cho vay trong hạn sẽ được giữ cố định trong suốt thời hạn duy trì Hạn mức vay thấu chi.

Tại ngày 31/03/2022, số nợ vay phải trả là: 1.489.009.900 VND

- Hợp đồng tín dụng: số ThachionlineSME-6287960 ngày 17/06/2021

Hạn mức thấu chi: 500.000.000 VND.

Mục đích vay: sử dụng cho mục đích Thanh toán các chi phí hợp pháp phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với quy định của pháp luật.

Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng tính từ ngày Bên Ngân hàng ký kết hợp đồng bằng chữ ký số.

Lãi suất cho vay: 14,5%/năm, lãi suất cho vay trong hạn sẽ được giữ cố định trong suốt thời hạn duy trì Hạn mức vay thấu chi.

Tại ngày 31/03/2022, số nợ vay phải trả là: 498.009.900 VND

CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2022

Phụ lục 01: Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn và dài hạn tại ngày kết thúc kỳ tài chính:

Các khoản nợ dài hạn đến hạn trả và vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Đồng Nai

- Hợp đồng tín dụng: số 0612/2016/HĐTĐ ngày 06/12/2016, hợp đồng thế chấp quyền khai thác khoáng sản số 2402/2017/378288/HĐTĐ ngày 24/02/2017.

Số tiền cho vay là 31.500.000.000 VND.

Mục đích vay: Đầu tư thực hiện dự án Khai thác - chế biến đá xây dựng Mỏ đá Tân Cang 4, xã Phước Tân, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Cụ thể, thanh toán các khoản chi phí đầu tư thực hiện dự án, bao gồm cả thanh toán các khoản chi phí mà doanh nghiệp đã thực hiện đầu tư

Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày bên vay rút khoản vay đầu tiên

Lãi suất cho vay: 11% (được áp dụng tới thời điểm 01/02/2017) và sau đó được điều chỉnh 06 tháng/lần theo thông báo lãi suất của ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh

Tại ngày 31/03/2022, số nợ vay phải trả là: 0 VND

Các khoản nợ dài hạn đến hạn trả và vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – CN Đồng Nai

- Hợp đồng cho vay số DNI/20025 ngày 18/08/2020, hợp đồng thế chấp xe ô tô số DNI/20025/HĐTC ngày 18/08/2020

Số tiền cho vay là 1.480.000.000 VND.

Mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe ô tô phục vụ cho kinh doanh

Thời hạn vay: 60 tháng, tính từ ngày tiếp theo của ngày Bên Ngân hàng giải ngân vốn vay đầu tiên cho bên vay

Lãi suất cho vay: 11,5% (được áp dụng tới thời điểm 31/12/2020) và sau đó được điều chỉnh theo cung cầu vốn thị trường

Tại ngày 31/03/2022, số nợ vay phải trả là: 1.005.000.000 VND

- Hợp đồng cho vay số DNI/21044 ngày 30/09/2021, hợp đồng thế chấp xe ô tô số DNI/21045 ngày 30/09/2021

Số tiền cho vay là 1.480.000.000 VND.

Mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe ô tô phục vụ cho kinh doanh

Thời hạn vay: 60 tháng, tính từ ngày tiếp theo của ngày Bên Ngân hàng giải ngân vốn vay đầu tiên cho bên vay

Lãi suất cho vay: 6,8% (được áp dụng tới thời điểm 30/09/2022) và sau đó được điều chỉnh theo cung cầu vốn thị trường

Tại ngày 31/03/2022, số nợ vay phải trả là: 1.331.800.000 VND

CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2022

Phụ lục 01: Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn và dài hạn tại ngày kết thúc kỳ tài chính:

Trái phiếu thường

Đơn vị tư vấn phát hành	Số cuối kỳ	Kỳ hạn	Lãi suất
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thủ Đô	350,000,000,000	24 tháng Ngày phát hành: 22/02/2022 Ngày đáo hạn: 22/02/2024	Năm thứ nhất: 11%/năm (4 kỳ) Từ năm thứ hai: Lãi suất trái phiếu được xác định bằng lãi suất tiết kiệm cá nhân VND kỳ hạn 12 tháng lĩnh lãi cuối kỳ, giao dịch tại quầy do ngân hàng TPBank công bố tại thời điểm xác định lãi suất + 4% nhưng không thấp hơn 11%/năm.

11/11/2022

CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2022

Phụ lục 02: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại 01/01/2021	200,000,000,000	34,635,272,727	21,282,835,714	300,421,953	256,218,530,394
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
- Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	15,709,839,479	15,709,839,479
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Giảm vốn năm trước	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư tại 01/01/2022	200,000,000,000	34,635,272,727	21,282,835,714	16,010,261,432	271,928,369,873
- Tăng vốn trong kỳ này (*)	590,000,000,000	118,000,000,000	-	-	708,000,000,000
- Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	267,601,867	267,601,867
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Giảm vốn kỳ này	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/03/2022	790,000,000,000	152,635,272,727	21,282,835,714	16,277,863,299	980,195,971,740

